



Phụ lục 6

GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NGOÀI ĐẤT Ở, GIÁ ĐẤT Ở THẤP NHẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Trừ các vị trí đất ở đã quy định tại Phụ lục 1 Quyết định này)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã và đang hoạt động, kể cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hình thành sau ngày 01/01/2020, (giá đất được tính cho 01 vị trí, cùng một giá cho từng khu, cụm): Được tính là giá đất ở của tuyến giao thông có giá cao nhất mà khu công nghiệp, cụm công nghiệp đó đầu nối vào nhân (x) với hệ số 0,15.

a) Giá đất Khu công nghiệp An Nghiệp (bao gồm cả địa bàn huyện Châu Thành và thành phố Sóc Trăng): 375.000 đồng/m² (2.500.000 đồng/m² x 0,15).

b) Giá đất Cụm công nghiệp Xây Đá B: 225.000 đồng/m² (1.500.000 đồng/m² x 0,15).

c) Giá đất Khu công nghiệp Trần Đề: 375.000 đồng/m² (2.500.000 đồng/m² x 0,15).

d) Giá đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hình thành sau, trong giai đoạn 2020 - 2024: Được tính là giá đất ở của tuyến giao thông có giá cao nhất mà khu công nghiệp, cụm công nghiệp đó đầu nối vào nhân (x) với hệ số 0,15.

2. Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất xây dựng cơ sở y tế; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Được xác định bằng 60% giá đất ở có cùng khu vực, tuyến đường, vị trí.

3. Giá đất thương mại, dịch vụ: Được xác định bằng 80% giá đất ở có cùng khu vực, tuyến đường, vị trí.

4. Giá đất phi nông nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2013 (trừ đất ở đã quy định tại Phụ lục 1, Khoản 7, 8 Phụ lục này và đất phi nông nghiệp đã quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6 Phụ lục này): Được xác định bằng 80% giá đất ở có cùng khu vực, đường phố, vị trí hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất ở liền kề) đã quy định để xác định mức giá.

5. Giá đất phi nông nghiệp khác quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2013 trên địa bàn tỉnh: Được tính bằng 130% giá đất trồng cây lâu năm liền kề có cùng khu vực, vị trí.

6. Đất bãi bồi ven sông Hậu; đất bãi bồi ven biển; đất còn mới nổi trên sông; đất sông, ngòi, kênh, rạch và mặt nước chuyên dùng, đất chưa sử dụng khi sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì căn cứ mục đích sử dụng đất khi đưa vào sử dụng hoặc theo quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền: Giá đất được xác định bằng giá đất của loại đất có cùng mục

đích sử dụng có cùng khu vực, vị trí, trường hợp trong khu vực không có loại đất liền kề thì áp dụng giá đất của loại đất có cùng mục đích sử dụng của khu vực gần nhất.

7. Giá đất ở tại nông thôn khu vực 3 quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Quy định này (chưa quy định giá tại Phụ lục 1) trên địa bàn các huyện và các xã thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm: Được tính một mức giá là 150.000 đồng/m², không áp dụng đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Giá đất ở thấp nhất trên địa bàn thành phố Sóc Trăng là 250.000 đồng/m²; trên địa bàn các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm, thị trấn thuộc các huyện là 200.000 đồng/m²; trên địa bàn các xã còn lại là 150.000 đồng/m², không áp dụng đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất./.